

NGHỆ THUẬT THỜI TIỀN SỬ VÀ CỔ ĐẠI

Một hình đầu phụ nữ được chạm trổ bằng ngà voi ma mút. Được khai quật tại một di chỉ ở Dolní Věstonice, Cộng hòa Czech, nó được mệnh danh là “chân dung cổ nhất thế giới”.



KH. 24.000 TCN

Một loạt những cái **dầu không lò bằng đá** được chạm trổ từ đá tảng tráng men có hình ảnh; và sau công trình này được phục dựng tại Bảo tàng Pergamon, Berlin.



KH. 1200–900 TCN

Công Ishtar, Babylon, trang trí bằng gạch tráng men có hình ảnh; và sau công trình này được phục dựng tại Bảo tàng Pergamon, Berlin.



KH. 575 TCN

Tượng *Discobolus* (*Lực si ném đĩa*) lừng danh được **nha điêu khắc Hy Lạp Myron** chế tác; tác phẩm nguyên là tượng đồng, nhưng được biết đến qua những bản sao bằng cẩm thạch.



KH. 450 TCN

Những bức tranh tại **Quần thể Chùa Hang Ajanta** thể hiện sự tinh tế của nghệ thuật **Phật giáo** ở Ấn Độ.



KH. 100 TCN

Bệ thờ thần Hoa binh Augustus ở Rome có công trình điêu khắc tu liệu (loại điêu khắc thể hiện những người có thể xác định danh tính trong một sự kiện đương thời) sớm nhất mà ta biết đến.



13–9 TCN

Khai hoàn môn Septimius Severus được khánh thành tại **Rome**; công trình được trang trí cầu kỳ để ca ngợi những chiến công của hoàng đế.



203

Một bức tượng cầm thạch khổng lồ của **Constantine**, vị **hoàng đế Co Đốc giáo** đầu tiên, được dựng ở Rome.



KH. 315

KH. 1500 TCN

KH. 900–600 TCN

KH. 530 TCN

KH. 350 TCN

Một **rhyton**, túc bình rót, bằng đá hình đầu bò là kiệt tác của nền **văn minh Minos** trên đảo Crete.

Những tượng thần hộ vệ bằng đá khổng lồ dạng **bò hoặc sư tử có cánh** đầu người đặc trưng ở hai bên lối vào các cung điện **Assyria**.

Ở Athens, kỹ thuật **vẽ hình đồ trên bình** được phát triển, theo đó các hình màu đỏ được thể hiện trên nền đen. Nhà điêu khắc Hy Lạp **Praxiteles** chế tác bức tượng **Aphrodite thành Knidos**, bức tượng phu nữ khỏa thân có kích thước bằng người thật đầu tiên mà ta biết đến.

KH. 80 TCN

100–200

KH. 200–300

KH. 320–550

Các bích họa được vẽ trong **Biệt thự Bí ẩn Pompeii**; đây là những tác phẩm còn tồn tại minh họa rõ nhất nền hội họa La Mã cổ đại.

Tượng đồng Mã đạp phi yến chế tác ở Cam Túc; được khai quật năm 1969, nó trở thành biểu tượng phi chính thức của Trung Hoa.

Hầm mộ Priscilla ở Rome trang trí một số hình ảnh Co Đốc giáo thuộc loại sơn nhạt mà ta biết đến.

Vương triều Gupta nắm quyền suốt một thời kỳ hoàng kim của nghệ thuật, cả về **Phật giáo** lẫn **Ấn Độ giáo**, ở miền bắc Ấn Độ.

Yniêm tao ra tác phẩm nghệ thuật thuần túy khơi gợi khoái cảm thẩm mỹ là bước tiến tuong đói mới mẻ trong lịch sử loài người. Xa xưa hơn, sáng tạo nghệ thuật thường có mục đích – nhu thò cúng, nghi lễ, làm bùa phép – ngày nay vẫn chua sáng tỏ ở một số nền văn hóa cổ đại biệt lập. Tuy nhiên, ngay cả khi ta khó hiểu thấu bối cảnh bằng lý trí, các tác phẩm vẫn có thể mang lại cảm xúc mãnh liệt. Người đàn bà (hay Vệ nữ) Willendorf diễn tả hình thể người phụ nữ gây ấn tượng mạnh, bất chấp kích thước nhỏ bé và tỷ lệ cuồng điệu; và tranh hang động thời Đô đá Cù ở Altamira, Tây Ban Nha, khắc họa những con vật – bò bison, ngựa và hươu – với cảm giác tràn trề sinh khí xưa nay hiếm có.

Những giá trị tuong đối
Ngày nay, các nhà phê bình phuong Tây thường phân biệt nghệ thuật thi giác “chính yếu” – kiến trúc, hội họa và điêu khắc – với nghệ thuật ứng dụng hoặc trang trí “thú yếu”, nhưng điêu này không tồn tại trong nhiều nền văn hóa xưa hoặc nay. Ở Trung Hoa thời xưa, gồm sú nhìn chung đóng vai trò quan trọng hon điêu khắc, và một số thành tựu điêu khắc hàng đầu là những vật chúa bằng đồng dùng trong nghi lễ chủ không phải các tác phẩm hình thể con người – vốn chiếm ưu thế trong truyền thống phuong Tây. Tuong tự, ngọc bich từ lâu đã được sùng mò ở Trung Hoa và dùng để chế tác những tuong trung tâm là phục vụ các bậc quân chủ thần thánh, đặc

trong), nhưng hầu như không thấy sử dụng trong nghệ thuật châu Âu. Ngoài ra, phải xét đến những khác biệt quan điểm sâu sắc khác. Nghệ thuật Trung Quốc diễn hình thường thể hiện triết lý của tác giả và nỗ lực nắm bắt “cái hồn” thiên nhiên, còn phuong Tây đòi hỏi quan tâm nhiều đến tính biểu tuong hoặc trang trí.

Cội nguồn Ai Cập
Nghệ thuật phuong Tây có dòng dõi kế thừa có thể truy nguyên từ Ai Cập cổ đại; Ai Cập ánh huóng đến Hy Lạp, Hy Lạp đến La Mã, và nghệ thuật La Mã là nền tảng cho thành tựu về sau ở phuong Tây, đặc biệt từ thời Phục hưng. Về tinh thần, nghệ thuật Ai Cập cách xa tục thế ngày nay, vì ý tuong trung tâm là phục vụ các bậc quân chủ thần thánh, đặc

biết để duy trì sự sống cho họ sau cái chết ở cõi phàm trần. Bất chấp hổ sáu ngăn cách tin nguông này, tuong mò táng của Hoàng thân Rahotep và phu nhân Nofret được khắc họa sống động nhu thể làm sống dậy con người cách đây hơn 4.000 năm.

Người Hy Lạp và La Mã đã tạo dựng nhiều tu tuong và chủ đề tác động lâu dài đến lịch sử nghệ thuật phuong Tây. Thông qua chiến chinh của Alexander Đại đế vào thế kỷ 4 TCN, ánh huóng của họ đã lan rộng đến tận Gandhara ở Ấn Độ, nơi truyền thống nghệ thuật Hy Lạp và Phật giáo hòa quyện, và các trung tâm văn hóa Hy Lạp mới được giao thoa và hình thành tại Alexandria (Ai Cập), Pergamon và Antioch (nay ở Thổ Nhĩ Kỳ).

Lối khắc họa hình tuong con người thời cổ điển có ánh huóng

mạnh mẽ, mang hơi huóng tu nhiên đề cao cơ thể con người và cảm thúc vẻ đẹp lý tưởng. Hai bức Tuong Đồng Riace đặc tả chi tiết tinh xảo, nhưng cũng mang vẻ uy nghi hùng tráng đến thoát tục. Tuong tự, tuong Marcus Aurelius kỵ mà là chân dung đáng tin về người trung niên tôn quý cuối con ngựa nhu thât, nhưng cũng có đọng ý niệm về vinh quang của hoàng đế.

Nghệ thuật Co Đốc giáo

La Mã còn giữ vai trò quan trọng tạo nên móng cho nghệ thuật Co Đốc giáo – tôn giáo bị đàn áp ở đây đến khi Constantine Đại đế lên tri vị và khích lệ khoan dung trong Chi dù Milan năm 313. Đến cuối thế kỷ 4, Co Đốc giáo không những được hợp pháp hóa mà đạt đến tầm cao mới về vẻ lộng lẫy trang nghiêm. ■

của Junius Bassus chế tác ở Rome khoảng năm 360, đánh dấu vai trò chủ đạo ngày càng rõ rệt này.

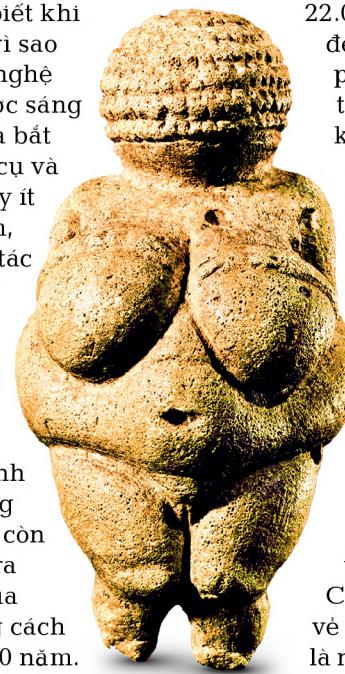
Năm 330, Constantine lập kinh đô mới tại Byzantium – sau đổi tên thành Constantinople để vinh danh ông, và khi ông qua đời năm 337, Đế quốc La Mã bị chia cắt thành phần tây (đóng đô ở Rome) và phần đông (đóng đô ở Constantinople). Ravenna trở thành kinh đô phía tây năm 402 và là trung tâm cai trị của thủ hiến Byzantine đóng tại Italy trong thế kỷ tiếp theo. Giàu tính tuong trung và xa rời hơi huóng tự nhiên, nghệ thuật Byzantine thường pha trộn chủ đề tôn giáo với đế quyền; các tác phẩm đẹp đẽ vẫn còn ở Ravenna, đặc biệt là tranh khảm mà vào thời ấy đã đạt đến tầm cao mới về vẻ lộng lẫy trang nghiêm. ■

ĐÂY LÀ NGƯỜI ĐÀN BÀ THỰC THỤ

NGƯỜI ĐÀN BÀ WILLENDORF
(KH. 25.000 TCN)

Không thể biết khi nào hoặc vì sao tác phẩm nghệ thuật đầu tiên được sáng tạo. Tổ tiên xa xưa bắt đầu chế tạo công cụ và vũ khí đá cách đây ít nhất 2,5 triệu năm, nhưng các đồ tạo tác không có công năng thực tiễn rõ ràng xuất hiện muộn hơn. Các vò ốc sắc màu xâu chuỗi thành vòng cổ đã được xác định niên đại từ khoảng năm 80.000 TCN, còn tranh hang động ra đời sớm nhất là của những người sống cách đây khoảng 40.000 năm.

Những tác phẩm đầu tiên tái hiện khéo léo hình thể con người xuất hiện vào khoảng 40.000–30.000 TCN, đầu Thượng kỷ Đô đá Cù (khoảng 40.000–10.000 TCN), khi các công cụ và kỹ thuật tinh xảo hơn tạo điều kiện cho tác phẩm điêu khắc tượng hình được chạm trổ bằng đá, đất sét, xương và ngà. Hàng trăm bức tượng nhỏ, hầu hết có niên đại từ khoảng 30.000–



22.000 TCN và hầu hết đều khắc họa hình thể phụ nữ, được phát hiện tại nhiều di chỉ rộng khắp châu Âu, trong chỗ trú, hang động và mộ táng của người so khai.

Khi số ít tiểu tượng đầu tiên được phát hiện vào thế kỷ 19, chúng được gọi là "Venus" – ám chỉ mia mai về đoạn trang lý tượng hóa trong các hình tượng cổ điên của nữ thần tình yêu, sắc đẹp và sự phồn thực La Mã. Các tượng này không có vẻ giật hạch; đúng hơn là nhấn mạnh vào khía cạnh tính dục trong cấu tạo

hình thể người nữ. Khỏa thân hoặc ít vải che thân, những tượng này có bầu vú phình to, bụng và mông nở phệ, nhô dán về phía đầu và chân, bộ phận sinh dục phóng đại, không có bàn chân, bàn tay. Nhiều tượng không có cà mặt.

Biểu tượng phồn thực

Nổi tiếng nhất trong các tiểu tượng này có lẽ là "Venus" Willendorf,

BỐI CẢNH

TRỌNG TÂM Tuong phon thuc

TRƯỚC ĐÓ

Kh. 40.000 TCN Tuong goi la "Su Nhân", tu Hang Hohlenstein-Stadel o Đức, đc chạm khắc bằng ngà voi ma mút.

40.000–35.000 TCN Tiêu tuong "Venus" sóm nhất đc biết đến, Venus Hohle Fels bằng ngà, đc đe ó một hang động miền nam nước Đức.

29.000–25.000 TCN Venus Dolní Věstonice o Moravia – đc tạo tác bằng gốm cổ nhất mà ta biết đến – đc chế tác.

SAU ĐÓ

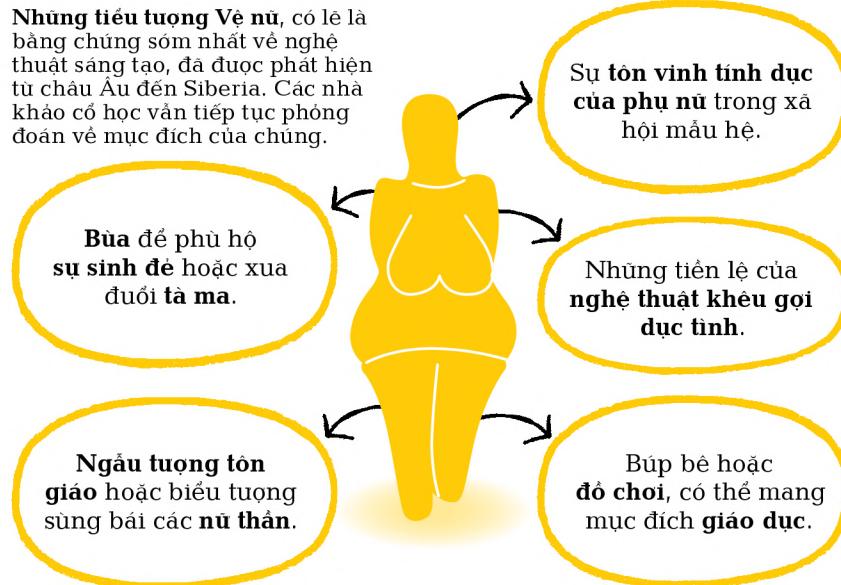
Kh. 23.000 TCN Venus Brassempouy bằng ngà o Pháp là một trong các khắc họa mặt người đầu tiên đc biết đến.

6000 TCN Nguoi dan ba ngói Çatalhöyük o Anatolia (Thổ Nhĩ Kỳ), một tiểu tuong bằng đất nung, đc cho là khắc họa một mẫu thân.

Tuong nhỏ chạm trổ trên đá vôi do nhà khảo cổ học Josef Szombathy phát hiện năm 1908 tại Willendorf o Áo. Nguoi dan ba Willendorf (cách gọi ngày càng phổ biến của các nhà nghiên cứu nghệ thuật cổ đại) chẳng những khắc họa người phụ nữ gợi dục không che đậy, mà có thể cũng chẳng phải nữ thần; nhiều khả năng ý niệm mẫu thân phồn thực hay Mẹ Đất chi phát triển khi nông nghiệp ra đời, chứ không có ó các xã hội du cư thuỷ so khai. Bất chấp dục tính cuồng điệu hóa và tay chân nhô thiêu cản đối, đây vẫn là hình ảnh thật của người nữ, tuy có phần lý tuong

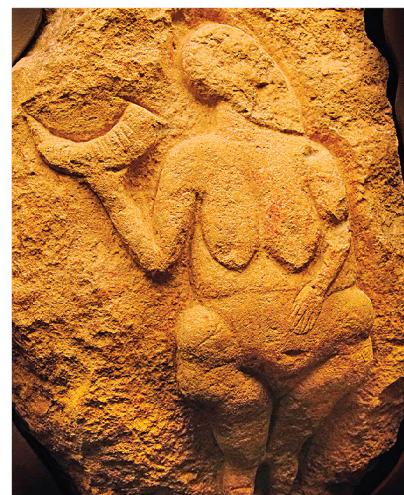
Xem thêm: Nghệ thuật hang động ở Altamira 22–25 ■ Nữ thần Coatlicue 132–33 ■ Vị nữ thành Urbino 146–51 ■ Diana sau khi tắm 224 ■ Olympia 279 ■ Maman 334–35

Những tiểu tuong Venus, có lẽ là bằng chung sóm nhất về nghệ thuật sáng tạo, đã đc phát hiện từ châu Âu đến Siberia. Các nhà khảo cổ học vẫn tiếp tục phỏng đoán về mục đích của chúng.



hóa, hiện thân cho sự phồn thực của con người hon là một vi thần.

Trong những xã hội du cư o châu Âu vào kỷ Băng hà, béo phì hàn hiếm thấy. Vé pháp của Nguoi dan ba Willendorf và các tiểu tuong khác, ngoài tuong trung cho sự phồn thực, có lẽ còn đại diện cho hy vọng sinh tồn, sống lâu và no đủ. Nguoi dan ba



Willendorf khác với tiểu tuong Venus khác o cách khắc họa mái tóc đc tết bím hoặc xâu hạt cầu kỳ. Tóc từ lâu đà là nguồn hấp dẫn tính dục, vì thế có thể ý đđ ở đây là khắc họa dục tính khêu gợi hon là sự phồn thực về mặt sinh đđ đơn thuần. Theo quan điểm khác, một số học giả cho rằng bảy đường đồng tâm quanh đầu tuong không phải tóc mà là vật đđ đầu mang tính lè nghi.

Nghi vấn về mục đích

Tiểu tuong Venus là các kỳ công nghệ thuật xuất sắc nhất thời đại Đô đá, và người ta phỏng đoán nhiều về chúc năng của chúng trong xã hội Đô đá Cù. Có chiều dài trong khoảng 4–25 cm, chúng vẫn giữ hình dạng tuong đóng rô

Venus Laussel, có niên đại khoảng năm 20.000 TCN, là phù điêu nổi đap nồng biếu thị dục tính rõ ràng, đc tóm tắt đđ, chạm trổ vào khối đá vôi trong một chỗ trú bằng đá o miền tây nam Pháp.

Tuong phon thuc nam giới

So với số lượng lớn tuong Venus, đến nay người ta mới phát hiện một số ít tuong phồn thực nam giới. Đáng chú ý nhất là một tuong duong vật tách rời, bằng đá mài bóng, có kích thước nhu thật, đc khai quật o hang Hohle Fels, gần Ulm o Đức, đc đe khắc gân nhu cùng thời với những bức tiểu tuong Venus so khai. Hình ảnh khắc họa sự phồn thực nam giới chỉ bắt đầu phổ biến trong các nền văn minh Hy Lạp cổ đại, với những tác phẩm thể hiện hình tuong thần sinh sản Priapus; Ai Cập cổ đại, với hình tuong thần Min và thần Osiris; và Ấn Độ cổ đại, qua hình tuong duong vật của thần Shiva, gọi là lingam. Các nữ thần phồn thực thời cổ điển đc khắc họa ngày càng bột gọn dục, có lẽ phản ánh một xã hội mang nặng tính phụ hệ nhiều hon.

rệt dù niên đại chế tác trải dài hàng nghìn năm, từ đó có thể phỏng đoán rằng chúng phục vụ cho một mục đích rõ ràng và nhất quán nào đó. Một số sử gia đưa ra giả thuyết rằng với kích thước vừa lòng bàn tay, có lẽ những tác phẩm điêu khắc này đc mang theo người làm bùa phù hộ sinh đđ hoặc chống tà. Số khác nhận xét rằng Nguoi dan ba Willendorf vốn đc tóm tắt đđ, nhu màu dùng trong nghi thức mộ táng, nên có thể có ý nghĩa nhất định trong nghi lễ. Lại có câu hỏi phái chđ các tiểu tuong này là chđ dung tu họa, do phụ nữ chế tác mà không soi gương – giải thích tại sao chúng không có mặt. ■

CHÚNG TA LÀ MỘT LOÀI VĂN ĐANG CHUYỂN TIẾP

**NGHỆ THUẬT HANG ĐỘNG Ở ALTAMIRA
(KH. 15.000–12.000 TCN)**



BỐI CẢNH

TRONG TÂM Tranh hang động

TRƯỚC ĐÓ

70.000 TCN Nhũng ký hiệu trùu tượng chạm khắc vào vách Hang Blombos, Nam Phi.

39.000 TCN Nhũng hình bàn tay in khuyết và hình đia xuất hiện trong quần thể Hang El Castillo ở Cantabria, Tây Ban Nha.

35.000 TCN Nhũng hình động vật đá đất trong Hang Fumane, Italy, là tác phẩm nghệ thuật tượng hình sớm nhất được biết đến.

17.000 TCN Có đến 2.000 hình ảnh phúc tạp được tạo ra trong Hang Lascaux, Pháp.

SAU ĐÓ

10.000 TCN Nghệ thuật trên đá ngoài trời ở Tassili-n-Ajjer, Algeria đánh dấu sự xa rời nghệ thuật hang động, cung cấp bằng chứng về biến đổi khí hậu và tiến hóa.

7300 TCN Hang Bàn Tay, Nam Mỹ, chứa đầy hình bàn tay in đặc và in khuyết.

Dại đa số nghệ thuật hang động phát hiện đến nay có niên đại khoảng 40.000–10.000 TCN, gọi là Thượng kỷ Đá Cũ. Thời này, *Homo sapiens* đã chiếm ưu thế trên toàn thế giới, thay chỗ người Neanderthal ở tây châu Âu. Điều này diễn ra ở kỷ Băng hà, khi con người sống du cư, săn bắt hái lượm, trú trong những hòm đá nóng, dưới những móm nhô, hoặc trong hang động. Các tác phẩm nghệ thuật xuất hiện sớm nhất trong chỗ trú và hang động là hình khắc nét đơn giản trên đá, nhưng nhũng hình thức và phong cách mới đã phát triển nhanh chóng, trong đó có tranh vẽ và khói thùy của nghệ thuật tượng hình.

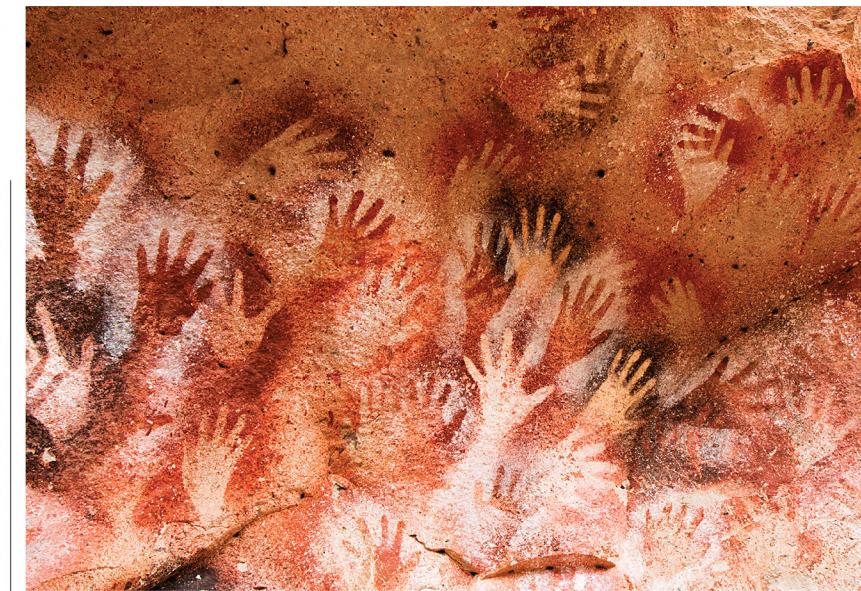
Xem thêm: Người đàn bà Willendorf 20–21 ■ Phù điêu sần su từ Assyria 34–35 ■ Nhũng người thợ săn trên tuyết 154–59 ■ Sán su từ 176–77 ■ Hambletonian, chái lồng 225 ■ Su từ đê rắn 248

Những dấu bàn tay in khuyết được tạo khoảng 9.000 năm trước trong Hang Bàn Tay ở Patagonia. Tác phẩm khác trong hang gồm hình ảnh nhũng loài vật họ mèo, con người, cánh di săn.

Ngay từ 100.000 năm trước, con người ở vùng Hạ Sahara đã phát triển phuong pháp pha màu, dùng màu đất (màu khoáng chúa ó-xít sắt), than và xương, pha với nước bột hoặc chất béo động vật. Có vẻ nhũng thứ này được dùng để vẽ lên mặt và cơ thể, vì thời kỳ này chưa có bằng chứng về tranh hang động, nhung hiếu biết về màu vẽ đã theo chân người tiền sú tòi đi khắp thế giới. Nhũng hình màu, nhu dấu bàn tay in khuyết ("stencil", được tạo ra bằng cách thổi màu qua ống xương rỗng, in hình bàn tay của người lớn và trẻ em, nam và nữ), dấu bàn tay in đặc, chấm tròn và hình đia, bắt đầu xuất hiện cùng nhũng hình khắc trên đá trong nhũng hang động cách xa nhau như ở Tây Ban Nha và Indonesia, từ 39.000–35.000 TCN.

Tái hiện thế giới

Khoảng cùng thời gian đó, các nghệ sĩ hang động bắt đầu tạo ra nhũng hình ảnh dễ nhận biết để tái hiện thế giới quanh mình trong các tác phẩm nghệ thuật tượng hình đầu tiên còn tồn tại. Nhũng hình động vật sớm nhất được vẽ nét hoặc khắc trên vách hang là nhũng khắc họa cách điệu thô mộc trong con mắt hiện đại, không mấy khác biệt so với nhũng ký hiệu trùu tượng quanh chúng. Tuy nhiên, đáng chú ý là trong nhũng hang động miền nam Pháp và bắc Tây Ban Nha ngày nay, các nghệ sĩ đã mau chóng thành thạo nhũng kỹ thuật tái hiện chân thực hơn. Có thể thấy điều này qua nhũng hình vẽ và tô màu động vật



tí mi trong Hang Chauvet-Pont-d'Arc ở vùng Ardèche của Pháp, có niên đại từ khoảng năm 30.000 TCN. Tranh hang động tượng hình ở thời kỳ này hầu hết đều tái hiện hình ảnh động vật. Hình tượng con người hết sức hiếm hoi, trừ ngoại lệ đáng chú ý là nhũng bức vẽ Bradshaw (được đặt theo tên người phát hiện) trong các hang động ở Kimberley, Australia. Ban đầu, trong thời kỳ

Aurignac (40.000–25.000 TCN), các tranh tượng hình chủ yếu là động vật săn mồi như su từ, sói và gấu, nhung từ khoảng năm 25.000 TCN, đa số khắc họa động vật bị săn để lấy thức ăn và da, gồm voi ma mút, ngựa, lợn rừng, hươu nai, trâu bò nhu bò bison và bò rừng châu Âu.

Nghệ thuật Franco-Cantabria

Thời kỳ cuối cùng của kỷ Băng hà là giai đoạn phát triển cao nhất trong quá trình dân hoàn thiện các kỹ thuật khắc nét và vẽ, thể hiện rõ hơn cả qua nghệ thuật hang động ở Franco-Cantabria của Pháp và Tây Ban Nha. Nhờ khí hậu ôn hòa, bấy giờ ở vùng này con người phân bố tương đối dày, vì thế có số lượng tác phẩm nghệ thuật hang động nhiều hơn bất cứ nơi nào khác, và chất lượng cũng cao hơn. Cụ thể, giai đoạn 15.000–10.000 TCN, tranh hang động tượng hình rõ rệt ở đây, đánh dấu đỉnh cao nghệ thuật hang động.»



Bao nhiêu đá và xương cũng không thể mang lại cho ta nhũng loại thông tin mà các bức vẽ đã cung cấp một cách hào phóng đến thế.

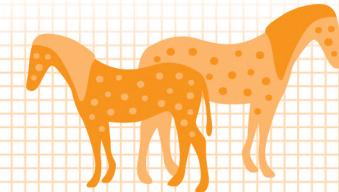
Mary Leakey
Vén màn quả khứ, 1984



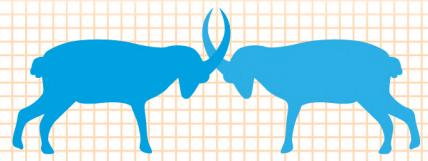
Niên biểu nghệ thuật hang động



Thượng kỷ Đô đá Cù: Aurignac
(40.000–25.000 TCN)



Thượng kỷ Đô đá Cù: Gravette
(25.000–20.000 TCN)



Thượng kỷ Đô đá Cù: Solutre
(20.000–15.000 TCN)

Hội họa hang động đầu tiên: dấu tay in khuyết, chấm đỏ trùu tượng, sau là cách điệu ban so của động vật và con người.

Nghệ thuật trùu tượng thời tiền sử

Những hình khắc họa động vật tuyệt đẹp trong các hang động Altamira và Lascaux là đỉnh cao của hội họa hang động, nhưng mới chỉ là một phần trong những phong thúc và kỹ thuật đa dạng của nghệ thuật hang động thời tiền sử. Những tác phẩm sớm nhất gồm các ký hiệu trùu tượng, vẫn phát triển rực rỡ ngay cả khi các phong cách tượng hình đã tiến hóa. Ban đầu, người ta cho rằng đó chỉ là yếu tố trang trí, nhưng việc xuất hiện lặp lại ở nhiều di chỉ trên thế giới và thường song hành cùng tranh tượng hình là cơ sở để suy đoán rằng chúng có tầm quan trọng mang tính biểu tượng. Có khoảng 25 loại ký hiệu trùu tượng, từ hình chén đơn giản (hình bán cầu) và chấm tròn hoặc hình đĩa tô màu, cả nét đan chéo và "ranh ngón tay" (những đường song song tạo bởi các ngón tay di trên bề mặt mềm), đến những hình ký hiệu phức tạp được vẽ hoặc khắc nét, và những hình tự nhiên cách điệu. Những dấu bàn tay in đặc và in khuyết, thường có số ngón tay khác nhau, cũng là dấu hiệu chỉ báo rằng những ký hiệu trùu tượng này có ý nghĩa, tuy chưa được giải mã.

Một số tác phẩm hội họa hang động nổi tiếng nhất thuộc về nghệ thuật Franco-Cantabria thời kỳ này, trong đó có những hình vẽ được tìm thấy trong các hang động Lascaux và Font-de-Gaume ở Pháp, El Castillo và Altamira ở Tây Ban Nha.

Hình vẽ đa sắc

Quần thể Hang Altamira ở Cantabria được phát hiện năm 1868, nhưng mãi đến đầu thế kỷ 20 mới được khảo sát đến nơi đến chốn. Quần thể hang kéo dài về sau khoảng 270 m, gồm ba gian chính: gian đầu, sau cửa hang, được gọi là Gian Bích Họa, hoặc Đại Sảnh Đa Sắc; sâu hơn vào trong là Gian Hồ (hay Gian Lòng Chảo); và ở đầu mút tận cùng là hành lang hẹp gọi là Đầu Ngựa. Một trận lở đất từ vài thiên niên kỷ trước đã lấp mất cửa hang, nhô đó mà những bức vẽ ngoạn mục bên trong được bảo tồn nguyên vẹn. Vốn di động lớn phía trong cửa hang từng là nơi ở của con người.

Có những tác phẩm ấn tượng gồm hình vẽ động vật đơn sắc và hình khắc nét trên đá trong Gian Hồ, và nhiều ký hiệu trùu tượng trong hành lang Đầu Ngựa, nhưng Altamira nổi danh một cách xứng đáng là nơi Gian Bích Họa. Gian này dài khoảng 18 m và rộng 9 m. Trần hang thấp

được trang trí hình ngựa, hươu nai và bò bison khắc họa chân thực đến mức tinh tế trong nhiều tu thế khác nhau, cùng những dấu bàn tay in đặc và in khuyết, những ký hiệu trùu tượng được vẽ hoặc khắc trên đá.

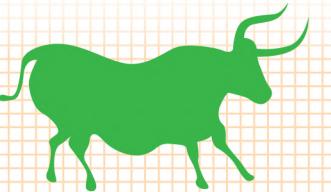
Một số ký hiệu và dấu bàn tay in trong các hang này có niên đại từ năm 34.000 TCN, còn những bức vẽ tuyệt đẹp hình bò bison và động vật khác trong Gian Bích Họa được thực hiện sau năm 15.000 TCN và trước khoảng năm 12.000 TCN, khi đất lở bit kín cửa hang.

Bò bison, với số lượng vượt trội hơn hẳn trong gian này, được khắc họa tinh tế chua tùng thỷ. Có lẽ ấn tượng đậm vào mắt là màu sắc: mỗi con được vẽ bằng

“
Con người là tạo vật bước đi trong hai thế giới và lưu lại trên vách hang vết tích của những điều kỳ lạ và những trải nghiệm ác mộng trong cuộc hành hương tâm linh của mình.
Morris West

Những gã hé của Chúa, 1981

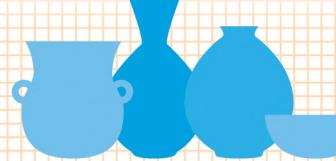
”



Thượng kỷ Đô đá Cù: Magdalene
(15.000–10.000 TCN)



Đô đá Giữa
(10.000–kh. 6000 TCN)



Đô đá Mới
(kh. 6000–kh. 2000 TCN)

Màu sắc, phong tiện, kỹ thuật đa dạng hơn; khắc họa tự nhiên đòi hỏi săn bắt hái luộm, nhưng trọng tâm là động vật.

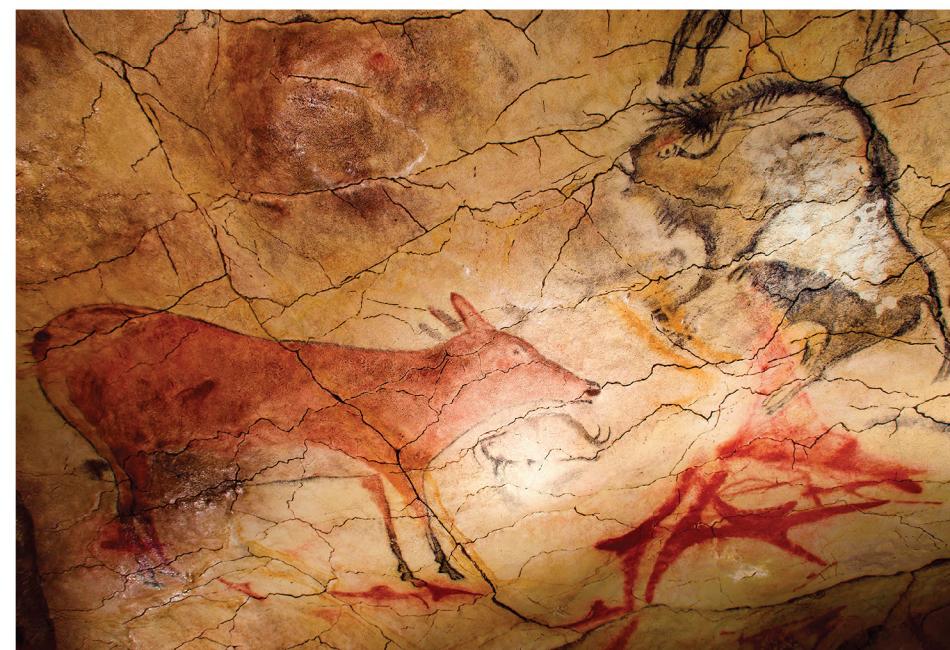
Ký Băng hà kết thúc, nghệ thuật trên đá ngoài trời ngày càng nhiều hơn trong hang, hình tượng người dân quan trọng.

Nghệ thuật hang động biến mất khi con người chuyển sang chăn nuôi, trồng trọt ổn định hơn; nghệ thuật gốm phát triển.

tối đa ba màu, với nhiều quang độ khác nhau để tạo hiệu ứng chiaroscuro (sáng tối) và thể hiện bề mặt da. Tuy các họa sĩ thời ấy chỉ có bảng màu hạn chế (nâu, đỏ, vàng từ nhiều màu đất khác nhau; đen từ mangan và than), nhưng nó lại khớp với màu sắc thật của các con vật, và bằng cách pha bột màu với chất béo và máu hoặc nước bọt, các nghệ sĩ có thể đạt được độ đậm nhạt khác nhau. Họ thường vẽ viền đen rồi tô màu bằng nút rêu hoặc tóc – cho kết quả chân thực đáng kinh ngạc.

Nhưng có lẽ khía cạnh ấn tượng nhất của những hình ảnh này chỉ có thể thường lâm khi đến tham quan các hang động. Bò bison – một số con có kích thước nhu thuật – được vẽ trên mặt đá không bằng phẳng sao cho trông nhu hình ba chiều; chúng thay đổi theo góc nhìn và hướng chiếu sáng, nhu thể có hình khối và chuyển động.

Truy tìm ý nghĩa
Phản nhiều nghệ thuật hang động được phát hiện trong những hang ít khi có người ở, hoặc sâu dưới lòng đất không dễ đi lại. Động cơ thúc đẩy con người so khai sáng tạo nghệ thuật ở sâu trong hang động, nơi hiểm khi hoặc chẳng bao giờ có ai nhìn thấy, vẫn là điều bí ẩn. Một số nhà nghiên cứu đặt ra giả thuyết rằng người ta khắc họa thú săn để gọi chúng đến khi săn bắt – nhưng



người săn bắt hái luộm du cư sống trong hang đã phát triển lối sống ổn định hơn và số tác phẩm nghệ thuật hang động giảm xuống, thay bằng nghệ thuật trên đá ngoài trời đang hình khắc nét và phù điêu, cũng như quan tâm nhiều hơn đến nghệ thuật “di động”, tức vật phẩm mang theo người như đồ chèm trổ, tiểu tượng và trang sức. ■

Con hươu đỏ có kích thước nhu thuật trong hang Altamira. Phản bụng vẽ trên một mỏ đá lồi, tận dụng đường nét sẵn có tạo hiệu ứng ba chiều. Con bò bison được vẽ bằng than.